

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC NHÀ TRẺ
NĂM HỌC: 2025- 2026**

(Kèm theo kế hoạch số: 150/KH-MN ngày 12 tháng 9 năm 2025)

I.Khung kế hoạch thời gian thực hiện chương trình

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian
Từ 05/9 đến 12/9 khai giảng ổn định tổ chức, rèn nề nếp cho trẻ			
Bé và trường mầm non của bé (6 tuần)	- Những đồ chơi bé thích	1	15/09- 19/09/2025
	- Đồ dùng của bé	1	22/09- 26/09/2025
	- Bé vui đón tết trung thu	1	29/09 - 03/10/2025
	- Lớp học của bé	1	06/10 - 10/10/2025
	- Ngày hội của Bà , của mẹ....	1	13/10 - 17/10/2025
	-Trường MN thân yêu của Bé	1	20/10 - 24/10/2025
Bé và gia đình (5 tuần)	- Bé và người thân trong gia đình	1	27/10-31/10/2025
	- Đồ dùng để ăn trong gia đình	1	03/11 - 07/11/2025
	- Đồ dùng để uống trong gia đình	1	10/11 - 14/11/2025
	-Ngày hội của cô giáo	1	17/11 - 21/11/2025
	- Đồ dùng để sinh hoạt trong gia đình bé	1	24/11 - 28/11/2025
Những con vật đáng yêu (6 tuần)	- Những con vật 2 chân(2T)	2	01/12 -12/12/2025
	- Những con vật 4 chân (2T)	2	15/12 - 26/12/2025
	- Một số con vật sống dưới nước (1T)	1	29/12- 02/01/2026
	- Một số con vật sống trong rừng(1T)	1	05/01-09/01/2026
Cây ,những bông hoa đẹp - Ngày tết và mùa xuân (6 tuần)	- Bé biết nhiều loại quả	1	12/01-16/01/2026
	- Những bông hoa đẹp	1	19/01-23/01/2026
	- Một số loại rau	1	26/01- 30/01/2026
	- Cây xanh	1	02/02 - 06/02/2026
	Bé vui đón tết	1	09/02 - 13/02/2026
	Nghỉ tết nguyên đán từ 14/2- 22/02/2026		
	Mùa xuân của bé	1	23/02 - 27/02/2026
Bé thích đi	- Vui ngày 8/3	1	02/03 - 06/03/2026

bằng phương tiện giao thông gì? (6 Tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ	1	09/03 -13/03/2026
	-Phương tiện GTđường sắt	1	16/03-20/03/2026
	- Tín hiệu đèn giao thông	1	23/03 - 27/03/2026
	- Phương tiện và GT đường thủy	1	30/03-03/04/2026
	- Phương tiện và GT đường hàng không	1	06/04 - 10/04/2026
Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em (6 Tuần)	- Bé với mùa hè (2T)	2	13/04 - 24/04/2026
	-Bé lên Mẫu giáo (2T)	2	27/04 -08/05/2026
	- Bác Hồ của em	2	11/05 -22/05/2026
Tổng	35 tuần		

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CSGD TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

A. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm.
- Tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ đạt tỉ lệ Kcal từ 600- 651 Kcal trẻ/ ngày.
- Thực hiện ký hợp đồng với nhà cung cấp thực phẩm. Đảm bảo 100% nguồn thực phẩm tươi ngon rõ nguồn gốc đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh.
- Thực hiện tốt 3 bước, lưu đủ mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.
- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm;
- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, dạy trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện
- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Tập cho trẻ thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân , vệ sinh nhóm lớp sạch sẽ.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường.

2.Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ
- Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch nước sát khuẩn...
- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3. Nội Dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 tuần - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,... - Cô rửa tay, lau mặt, đeo yếm (Trẻ nhỏ hơn) cho trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ. - Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu. <i>* Trong khi ăn:</i> - Cô đưa cơm tới tận bàn cho trẻ, hỗ trợ trẻ xúc cơm ăn. - Cho trẻ xúc ăn chưa thạo ngồi riêng nhóm để cô tiện hỗ trợ chăm sóc. - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Kiên trì tập cho trẻ quen dần với các loại thực phẩm chế biến ở trường, đặc biệt là đối với những trẻ mới đi học, trẻ bắt đầu chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm...) - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo		
--	---	--	--

	phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). <i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối; - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). <i>* Trong khi ngủ</i> - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa	- Giáo viên chủ nhiệm	

	quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cắt gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo	Giáo viên và bảo vệ	

	viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho. - Đối với đồ chơi dùng hằng ngày của trẻ nhà trẻ, rửa bằng nước sạch, phơi khô hoặc sát khuẩn hằng ngày; hàng tuần rửa bằng xà phòng diệt khuẩn, phơi khô. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.	
--	--	--

	- Bô đi vệ sinh của trẻ hằng ngày cọ rửa bằng xà phòng, úp khô, phơi nắng. Cuối ngày ngâm bô bằng dung dịch sát khuẩn. Lưu ý: Bô phải rửa ngay sau mỗi lần trẻ đi vệ sinh. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kĩ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). * <i>Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp, thùng rác phải đảm bảo có nắp đậy: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe * <i>Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ		

	chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2025 và tháng 3/2026); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%,	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	
--	---	---	--

	Còn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 24-36 THÁNG TUỔI

	Mục tiêu	Nội dung
	1. Giáo dục phát triển thể chất	
	* GD dinh dưỡng- sức khỏe	
	1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:	- Cân đo theo dõi biểu đồ - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi,

Trẻ trai: Cân nặng từ 9.9 đến 15.2 (kg) Chiều cao: Từ 80.9 đến 94.9 (cm) Trẻ gái: Cân nặng 9.4 đến 14.5 (kg) Chiều cao: Từ 79.9 đến 93.3 (cm)	đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. - Tăng cường tập thể dục thể thao - Cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cho trẻ - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ - Trẻ được khám sức khỏe ít nhất 1 lần trong năm học.
2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm, và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Dạy trẻ kỹ năng nhai
3. Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa
4. Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Dạy trẻ biết lấy bô khi đi vệ sinh - Dạy trẻ cách ngồi bồn cầu khi đi vệ sinh
5. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Tập tự phục vụ: + Tập cho trẻ tự lấy thìa, tự xúc cơm, tự lấy nước để uống. + Tập cho trẻ lấy gối xếp gối trước khi ngủ. + Tập cho trẻ cất gối cùng cô sau khi

	ngủ dậy - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Dạy trẻ kỹ năng đi bộ an toàn.
6. Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Tập cho trẻ kỹ năng xếp dép ngay ngắn trước khi đi ngủ. + Tập cho trẻ kỹ năng tự mặc áo. + Dạy trẻ kỹ năng mặc quần + Dạy trẻ kỹ năng đi dép + Dạy trẻ kỹ năng đội mũ + Dạy trẻ kỹ năng đi tất
7. Trẻ biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm .	- Trẻ nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần + Dạy trẻ nhận biết dao sắc, kéo nhọn. + Dạy trẻ nhận biết đám cháy không đến gần, Không bỏ tay vào nước nóng , lửa đang cháy.
8. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm.	- Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. + Dạy trẻ không trèo lên bàn cao, không chọc tay vào ổ điện, không chọc tay vào mắt bạn, không ngậm hột hạt.
* Phát triển vận động	
9. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, chân, lưng - bụng	Tập vận động các nhóm cơ và hệ hô hấp: - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa tay ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng bụng, lườn: Cúi người về trước, nghiêng người sang hai bên, vắn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
10. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy, bước.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh đi đều. + Đi trong đường hẹp. + Đi có bề vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. + Đi bước qua gậy kê cao

	+ Đi Theo đường ngoằn ngoèo + Đi bước vào các ô + Đi kết hợp với chạy + Chạy đổi hướng + Bước lên xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc) + Bước lên xuống bậc có vịn
11. Trẻ thực hiện phối hợp tay- mắt trong vận động tung, ném, bắt.	- Tập tung, ném, bắt: + Tung bóng bằng 2 tay + Tung bóng qua dây + Ném bóng về trước + Ném bóng trúng đích. + Tung – bắt bóng cùng cô
12. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi trườn, bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn : + Bò thẳng hướng theo đường hẹp + Bò thẳng hướng có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò theo đường zig zắc + Bò, trườn qua vật cản.
13. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động.	- Tập nhún bật: + Nhún bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ + Tập đá bóng
14. Trẻ thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
15. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động. (nhào, vẽ, xâu)	- Cho trẻ sử dụng bộ búa cộc, búa babi. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây. Cài cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
2. Giáo dục phát triển nhận thức	
16. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị một số thức ăn, quả (Ngọt – mặn- chua).
17. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng trong gia đình.

được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. + Dạy trẻ kỹ năng xếp đồ chơi lên giá ngăn nắp. + Dạy trẻ kỹ năng sử dụng bát thìa.
18. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Dạy trẻ nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Dạy trẻ nói tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp - Dạy trẻ kỹ năng tự tin
19. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Dạy trẻ kể tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
20. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng gia đình, phương tiện giao thông gần gũi. + Đồ dùng để ăn, uống, sinh hoạt + Đồ dùng của bé + Đồ chơi của bé + Một số phương tiện giao thông - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. + Một số loại rau, hoa, quả, + Một số vật nuôi trong gia đình + Một số con vật sống dưới nước + Một số con vật sống trong rừng
21. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Chọn đồ chơi màu xanh, đỏ, vàng; - Chọn đồ dùng màu xanh, đỏ, vàng
22. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Phân biệt kích thước to – nhỏ của các đối tượng quan sát được.
23. Trẻ biết được số lượng một và nhiều	- Số lượng (một – nhiều).
24. Trẻ nhận biết được một số hình dạng.	- Có khả năng nhận biết các hình: Hình tròn, hình vuông
25. Trẻ nhận biết được vị trí trong không gian.	- Vị trí không gian: (trên - dưới, trước – sau) so với bản thân
26. Trẻ biết hoạt động một số ngày lễ hội ở địa phương địa phương. Biết được tên và hình ảnh Bác Hồ	- Bé vui đón tết Nguyên Đán - Một số ngày lễ khác - Bác Hồ kính yêu
27. Trẻ biết một số hoạt động lớp mẫu giáo.	- Bé lên Mẫu giáo
28. Trẻ biết được một số hoạt động khi mùa hè đến	- Bé với mùa hè

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ	
* Nghe hiểu lời nói	
29. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động.	- Trẻ nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
30. Trẻ trả lời được câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ... như thế nào?	- Trẻ nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?
31 Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Trẻ nghe và hiểu nội dung truyện Chủ đề : Bé và trường mầm non của bé + Bé Mai đi học, mẹ tắm cho bé, chiếc đu màu đỏ,cơ thể bé, các bạn của bé, xếp nhà cho búp bê + Đôi bạn nhỏ (Nguyễn Thị Thảo), Các bạn đang chơi. Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên), Bé đến trường, Mèo hoa đi học(Sưu tầm), Chủ đề bé và gia đình; Giúp mẹ nhặt rau, Lấy tắm cho bà, Giúp bà, Chú gấu con ngoan(Vân Nhi) Vì sao bé huy nín khóc (Phương Dung), Bàn chải đánh răng (Thúy hà) Cháu chào ông ạ, thỏ con không vâng lời; Cả nhà ăn dưa hấu; Bé Mai ở nhà,... Chủ đề Những con vật đáng yêu + Thỏ ngoan (Hoàng Oanh), Con cáo (Nguyễn Thị Thảo), Quả trứng (Nguyễn Duy Thái), Chú vịt xám (Lê Thu Hương), Con cá chép, Làng chim, Con gà, Con ốc sên, Sẻ con, Chim và cá (Nguyễn Thị Thảo), quả trứng, sẻ con, bác gấu đen và 2 chú thỏ... Chủ đề Rau củ quả và những bông hoa đẹp Cây táo (Chế Thùy Như), Quả thị, Cây táo thần (Kim Tuyền), Cây táo ngọt, cô và các bạn xem hoa, Chủ đề: Tết và mùa xuân: + Cả nhà đón tết, Hoa đào,mùa xuân đã về.... Chủ đề Bé thích đi bằng phương tiện giao thông + Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình), Câu chuyện về chú xe ủi(Lương Thị Bình), Vì sao thỏ cụt đuôi (Đặng Lan), Vịt và rùa đi tắm biển,xe lu và xe ca. Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em

	+ Cóc gọi trời mưa(Nguyễn Thị Thảo), Mèo nhát(Nguyễn Thị Thảo), Sóc và thỏ đi tắm nắng(Vân Nhi) + Một ngày bé đến trường, Chào buổi sáng(Nguyễn Thị Quyên).Bé mai đi công viên(Vũ Hồng Tâm-
* Nghe nhắc lại	
32. Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Trẻ sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
33. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao, với sự giúp đỡ của cô giáo.	* Dạy trẻ nghe và đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng như : Chủ đề : Bé và trường mầm non của bé - Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Miệng xinh (Phạm Hồ),Cô và mẹ (Trần Quốc Toàn), Bạn mới (Nguyệt Mai), Cát đồ chơi, Vườn tre.,giờ ăn,đi dép,khăn nhỏ... Chủ đề bé và gia đình - Bà và cháu, Yêu mẹ; Bé chờ mong; Bé tập giúp mẹ; Giường; Cửa sổ riêng của bé; Cô giáo..âm và cháo, bàn ghế, bàn tay cô giáo .. Chủ đề Những con vật đáng yêu - Chú gà con; Tim ỏ; Mèo con; Con trâu; Đàn bò; Con voi; Thỏ trắng; Mùa xuân, đàn lợn con,.gà gáy, con cá vàng, rong và cá.. Chủ đề Rau củ quả và những bông hoa đẹp - Mùa xuân; Hoa nở; Cây đào; Dán hoa tặng mẹ; Quả thị; Na; Chuối; Bắp cải xanh; Củ cà rốt,tết là bạn nhỏ,dán hoa tặng mẹ,cây bắp cải,.... Chủ đề Chủ đề Bé thích đi bằng phương tiện giao thông - Xe đạp; Con tàu; Đèn xanh đèn đỏ; Bé nằm mơ, Bé và mẹ,xe chữa cháy, tiếng còi tàu,thuyền và cá.... Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em Nắng bốn mùa; Cầu vồng (Nhược Thủy); Mưa (Lê Lâm); Tiết kiệm nước; Bé lên mẫu giáo.bóng mây,đi nắng,bàn tay cô giáo,bé tập nói ,bác hồ của em,cô giáo của em...

	*Dạy trẻ nghe và đọc Ca dao đồng dao - Cái bóng là cái bóng bang Khéo sảy khéo sàng cho mẹ nấu cơm Mẹ bóng đi chợ đường trơn Bóng ra gánh đỡ chạy cẩu m mưa ròng. - Anh em nào phải người xa Cùng chung bác mẹ một nhà một thân Yêu nhau như thể tay chân Anh em hòa thuận hai thân vui vầy. - Nu na nu nống Cái bóng nằm trong Con ong nằm ngoài Củ khoai chấm mật Phật ngồi Phật khóc Con cóc nhảy ra Con gà ú ụ Nhà bạn thổi xôi Nhà tôi nấu chè Tay xèo chân rứt. - Mẹ em đi chợ đàng trong - Bà còng đi chợ trời mưa - Gánh gánh gồng gồng. - Công cha như núi thái sơn. - Kéo cưa lừa xẻ. - Con gà tục tác. - Con cò lặn lội bờ ao. - Đi cầu đi quán. - Chú mèo mà trèo cây cau - Con kiến mà leo cành đa. -Ếch ở dưới ao.
* Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
34. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Dạy trẻ thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. + Dạy trẻ biết dùng lời nói để xin hay mượn đồ chơi, đồ vật mà mình mong muốn
35. Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau	- Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
36. Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	-Trẻ sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. + Dạy trẻ biết thưa cô, xin cô, cảm ơn cô. +Dạy trẻ kỹ năng chào cô khi đến lớp và

	khi ra về.
4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
37. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. + Dạy trẻ tự giới thiệu về mình
38. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. + Dạy trẻ nói được điều trẻ thích.
39. Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Dạy trẻ kỹ năng bế búp bê, cho búp bê ăn, ru búp bê ngủ, đắp chăn cho búp bê.
40. Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
41. Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Dạy trẻ biểu lộ và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận
42. Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi.	- Quan tâm, yêu thích đến các vật nuôi.
43. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. + Dạy trẻ biết nói chào cô và khoanh tay chào + Dạy trẻ biết nói tạm biệt và vẫy tay + Dạy trẻ tay nhận quà và nói lời cảm ơn
44. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	+ Bế em, quấy bột cho em, nghe điện thoại + Dạy trẻ kỹ năng nấu ăn + Dạy trẻ kỹ năng bế em + Dạy trẻ kỹ năng nghe nói trả lời điện thoại
45. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
46. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. + Dạy trẻ kỹ năng xếp ghế, xếp đồ dùng lên giá, kệ
47. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ như: Chủ đề : Bé và trường mầm non của bé

Gác trắng (Nhạc: Hoàng Văn Yến, Lời thơ: Nguyễn Tri Tâm), Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Trường chúng cháu đây là trường Mầm non (Phạm Tuyên), Cái mũi (Lê Đức- Thu Hiền); Ru em (Dân ca Xê Đăng), Vui đến trường (Hồ Bắc); Tập tầm vông (Lê Hữu Lộc), đi học...

Chủ đề bé và gia đình

Mừng sinh nhật (Đào Ngọc Dung), Ru con (Dân ca Nam Bộ), Ngọn nến lung linh (Ngọc Lễ), Bó là tất cả (Thập Nhất); Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng) Niềm vui gia đình (Hoàng Vân); Cô và mẹ (Phạm Tuyên) cả nhà đều yêu, chim mẹ chim con, đồ bạn, nhà của tôi, cả nhà thương nhau...

- Chủ đề Rau củ quả và những bông hoa đẹp

Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa); Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Ngày vui 8/3 (Hoàng Văn Yến); Quả (Xanh Xanh); Con chim hót trên cành cây (Trọng Bằng); Bắp cải xanh; Vườn cây của ba (Phan Nhân), Dân ca tự chọn. bầu bí thương nhau, ra thăm vườn hoa,.....

- **Chủ đề Tết và mùa xuân** : Chúc xuân (Đình Trung Chính); Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục); mùa xuân,....

- **Chủ đề Những con vật đáng yêu:** Con chim hay hót (Phan Huỳnh Điểu) Com mèo ra bờ sông (Hoàng Hà); Gà trống, mèo con và cún con (Thế Vinh); Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến); Chú bộ đội (Hoàng Hà); Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Thật đáng chê (Theo điệu bắc Kim thang; Lời: Việt Anh); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); đồ bạn.....

Chủ đề Bé thích đi bằng phương tiện giao thông

Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường); Anh phi công ơi (Nhạc: Xuân Giao, Lời:

Xuân Quỳnh). Dân ca (tự chọn),bác đưa thư vui tính,một đoàn tàu...

Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em

Em mơ gặp Bác Hồ, Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh),...Hòa bình cho bé (Huy Trân) Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu) ,hè đến,nắng sớm,trường chúng cháu là trường mầm non,nhớ ơn Bác, đi thăm thủ đô, trời nắng trời mưa,

*** Trò chơi âm nhạc:** Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ; Gà gáy, vịt kêu Nghe giai điệu đoán tên bài hát; Hát theo hình vẽ; Tai ai tinh; Giọng hát to, giọng hát nhỏ, Nghe âm thanh to- nhỏ, Nghe âm thanh của 2 nhạc cụ khác nhau...

*** Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.**

Chủ đề: Bé và trường mầm non của bé Rước đèn (Đỗ Mạnh Thường); Lời chào buổi sáng (Nguyễn Thị Nhung), Đi nhà trẻ; Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Đi ngủ (Hoàng Văn Yến); Bé ngoan; Đi học về (Hoàng Long- Hoàng Lâm), Em ngoan hơn búp bê (Phùng Như Thạch), Búp bê (Mộng Lợi Chung)đôi dép,quả bóng,em búp bê,dấu tay, chiếc khăn tay...

- Chủ đề Bé và gia đình: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Biết vâng lời mẹ (Minh Khang); Cả nhà thương nhau (Phan Văn Minh), Cháu yêu bà (Xuân Giao); (Văn Tấn); Chim mẹ chim con (Đặng Nhất Mai);cô và mẹkéo cưa lừa xẻ, mẹ yêu không nào,..

- Chủ đề Những con vật đáng yêu: Con gà trống (Tân Huyền), Một con vịt (Kim Duyên); Chú mèo (Chu Minh); Đàn vịt con (Mộng Lâm); Cá ơi; Con chom non (Lý Trọng), Đồ bạn biết (Hồng Ngọc); Làm chú bộ đội (Hoàng Long); Đi một hai (Đoàn Phi), rửa mặt như mèo ,cá vàng bơi,chú voi con,rửa mặt như mèo ...

- Chủ đề Rau củ quả và những bông hoa đẹp

	Màu hoa (Hồng Đăng); Quả 8/3 (Hoàng Long),quả,bé và hoa,cây bắp cải, hái hoa, gió thổi cây nghiêng,cùng mùa vui. Chủ đề : Tết và mùa xuân: Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Xúc xắc xúc xẻ (dân ca) Bé chúc Tết,Hoa mùa xuân , Mùa xuân của bé – (dân ca, lời mới... - Chủ đề Bé thích đi bằng phương tiện giao thông : Lái ô tô (Đoàn Phi); Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đèn xanh, đèn đỏ (Nhạc: Lương Vĩnh, ý thơ: Thế Hội); Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: Tường Vân... - Chủ đề Mùa hè - Bé lên mẫu giáo-Bác Hồ của em Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Cháu đi mẫu giáo (Phạm Minh Tuấn). Bé em tập nói, Trời nắng trời mưa.cháu vẽ ông mặt trời, em mơ gặp Bác Hồ
48. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di mẫu, nặn, xé, vò, xâu dây, xâu vòng, xếp hình. * Bé và trường mầm non của bé + Xếp đường đi + Tô màu quả bóng. + Tô màu cái trống lắc + Tô màu chiếc yếm * Bé và gia đình + Tô màu đường về nhà + Tô màu chiếc áo của mẹ + Xếp cái nhà, xếp cái cổng, xếp bàn ghế + Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng + Tô màu chiếc cốc + Vẽ nguệch ngoạc * Những con vật đáng yêu + Tô màu con cá heo + Tô màu con voi. + Làm quen đất nặn xoay tròn, lăn dọc + Tập vo giấy + Nặn thức ăn cho các con vật + Xếp chuồng cho các con vật * Rau củ quả và những bông hoa đẹp

- + Nặn quả
- + Tô màu quả táo
- + Vẽ hoa tặng cô giáo
- + Tô màu củ cà rốt
- + Nặn cái lá
- + Nặn cánh hoa
- + Dán lá cho cành hoa
- + Xếp hàng rào
- * **Tết và mùa xuân:**
- + Tô màu bánh chưng
- + Vẽ mưa mùa xuân
- + Xếp kệ đặt bình hoa
- + Tập Xé theo ý thích
- * **Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?**
- + Tô màu đèn giao thông
- + Tô màu máy bay
- + Tô Màu ô tô
- + Nặn bánh xe
- + Tô màu mũ bảo hiểm
- + Xếp ô tô, xếp tàu hỏa
- + Xếp ngã tư đường phố
- * **Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Bác Hồ của em**
- + Xé theo đường kim châm
- + Tô màu bong bóng
- + Vẽ các tia nắng
- + Tô màu chiếc ô
- + Tô màu bánh ga tô
- + Xếp hình, xâu dây, xâu vòng, theo yêu cầu và theo ý thích

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Trương Thị Mai Hương



Nguyễn Thị Bình